TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HÀ TIÊN
TỈNH KIÊN GIANG

Bản án số:11/2021/HNGĐ-ST
Ngày: 08/3/2021
Về việc: Xin ly hôn

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HÀ TIÊN, TỈNH KIÊN GIANG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có :

Thẩm phán – Chủ toạ phiên toà: Ông Trần Đình Đăng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lâm Lệ Oanh.

2. Ông Phan Văn Huy.

Thư ký phiên toà: Bà Huỳnh Thị Cẩm Tú – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang *tham gia phiên tòa*: Bà Lâm Thanh Thuỷ – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 3 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 193/2020/HNGĐ-ST ngày 22 tháng 12 năm 2020, về việc: "Xin Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2021 và quyết định hoãn phiên tòa số 12/2021/QĐST-HNGĐ ngày 18/02/2021 giữa các đương sự :

Nguyên đơn: Bà Lê Kim E, sinh năm 1967 (Có mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, Ấp N, xã T, thành phố H, tỉnh K.

Bị đơn: Ông Nguyễn Xuân M, sinh năm 1967 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Tổ 7, Ấp N, xã T, thành phố H, tỉnh K.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 04/12/2020, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Lê Kim E trình bày: Bà và ông Nguyễn Xuân M chung sống với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện P, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/6/2002. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông M thường xuyên bỏ nhà đi, thỉnh thoảng về lại kiếm chuyện đánh đập bà. Từ năm 2017, đến nay ông M bỏ đi khỏi địa phương và không có bất cứ thông tin gì. Ngày 09/10/2020 Tòa án nhân

dân thành phố H ban hành Quyết định số 02/2020/QĐST-HNGĐ về việc tuyên bố ông M mất tích, kể từ đó đến nay ông M cũng chưa từng về nhà và bà cũng không có thông tin thêm gì về ông M. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xin Tòa án cho bà được ly hôn với ông Nguyễn Xuân M.

Về con chung: Có 02 con chung gồm Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994 và Nguyễn Xuân H, sinh ngày 14/5/1996. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Bà trình bày không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ông, bà chung sống không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Xuân M không có lời trình bày: Do trước đó ông M đã bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh K tuyên bố mất tích theo quyết định số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/10/2020 cho đến nay vẫn chưa có tin tức gì về ông M. Quá trình giải quyết vụ án Tòa án cũng đã tiến hành triệu tập ông Nguyễn Xuân M theo quy định nhưng ông Mới vẫn không có mặt và không rõ tin tức gì về ông M nên Tòa án giải quyết vắng mặt ông M theo quy định.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H, tỉnh K phát biểu ý kiến:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng dân sự. Nguyên đơn, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Bà Lê Kim E khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết việc xin ly hôn đối với ông Nguyễn Xuân M. Ông M đã bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh K tuyên bố mất tích theo quyết định số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/10/2020. Do đó, căn cứ khoản 2 Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà Lê Kim E được ly hôn với ông Nguyễn Xuân M; Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994 và Nguyễn Xuân H, sinh ngày 14/5/1996. Hiện nay đã trưởng thành nên không xem xét, giải quyết; tài sản chung và nợ chung không có nên đề nghị Hội đồng xét xử miễn xem xét. Buộc nguyên đơn nộp án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến trình bày của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Bà Lê Kim E khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Xuân M, ông M có nơi đăng ký thường trú tại ấp N, xã T, thành phố H, tỉnh K. Do đó, đây là vụ án về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh K theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án bị đơn ông Nguyễn Xuân M vắng mặt tại địa phương và đã được triệu tập hợp lệ bằng thủ tục niêm yết theo quy định, đồng thời trước đó ông M đã bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh K tuyên bố mất tích theo quyết định số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/10/2020 cho đến nay vẫn không rõ tung tích nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông M theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Bà Lê Kim E và ông Nguyễn Xuân M chung sống với nhau từ năm 1990, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân thị trấn D, huyện P, tỉnh K cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 20/6/2002, do đó hôn nhân của ông, bà là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại khoản 1 Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Thời gian đầu vợ chồng ông bà chung sống hạnh phúc. Đến khoảng năm 2015 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn do ông M thường xuyên bỏ nhà đi, thỉnh thoảng về lại kiếm chuyện đánh đập bà. Từ năm 2017, đến nay ông M bỏ đi khỏi địa phương và không có bất cứ thông tin gì. Ông M đã bị Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh K tuyên bố mất tích theo quyết định số 02/2020/QĐST-HNGĐ ngày 09/10/2020. Quá trình xác minh về tình trạng hôn nhân và nơi cư trú của ông M được Ban lãnh đạo ấp N, xã T cung cấp thông tin ông M có đăng ký thường trú tại ấp N, xã T, tuy nhiên ông M đã đi khỏi địa phương thời gian rất lâu, cho đến nay vẫn không thấy ông M về địa phương, cũng như từ thời điểm bị tuyên bố mất tích theo quyết định của Tòa án thì ông M cũng chưa từng trở về địa phương. Do đó, căn cứ vào khoản 2 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, quy định về ly hôn theo yêu cầu của một bên "*2. Trong trường hợp vợ hoặc chồng của người bị Tòa án tuyên bố mất tích yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết cho ly hôn*". Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận cho bà E được ly hôn với ông M.

[4] Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994; Nguyễn Xuân H, sinh ngày 14/5/1996. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử miễn xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Lê Kim E trình bày vợ chồng ông bà không có tài sản chung và không có nợ chung nên yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí: Bà Lê Kim E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Xét quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hà Tiên là có cơ sở, phù hợp với nhận định của hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Kim E. Bà Lê Kim E được ly hôn với ông Nguyễn Xuân M.

2.Về con chung: Có 02 con chung gồm Nguyễn Thanh T, sinh năm 1994 và Nguyễn Xuân H, sinh ngày 14/5/1996.Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên Hội đồng xét xử miễn xét.

3. Về tài sản chung: Bà Lê Kim E trình bày vợ chồng ông bà không có tài sản chung, không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung và cho vay nợ: Bà Lê Kim E trình bày ông bà chung sống không có nợ chung và không cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết .

5. Về án phí: Bà Lê Kim E phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng). Nhưng được đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp trước là 300.000đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009228 ngày 22 tháng 12 năm 2020 của Chi Cục Thi hành án dân sự thành phố Hà Tiên, tỉnh Kiên Giang (Đã thực hiện xong).

6. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn bà Lê Kim E được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng bị đơn ông Nguyễn Xuân M được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND TP.Hà Tiên;
- Chi cục THADS TP. Hà Tiên;
- Lưu: VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Đình Đăng